BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

VŨ THỊ THỤC OANH

CÁC NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN HÀNH VI GIAN LẬN BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA CÁC CÔNG TY NIÊM YẾT

CHUYÊN NGÀNH: TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG
MÃ SỐ: 62340201

LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

Người hướng dẫn khoa học:

1. PGS.TS. CAO THỊ Ý NHI

2. TS. NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG

HÀ NỘI - 2018

LỜI CAM ĐOAN

Tôi đã đọc và hiểu về các hành vi vi phạm sự trung thực trong học thuật. Tôi cam kết bằng danh dự cá nhân rằng nghiên cứu này do tôi tự thực hiện và không vi phạm yêu cầu về sự trung thực trong học thuật.

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

Tác giả

Vũ Thị Thục Oanh

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN
MỤC LỤC
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT
DANH MỤC BẢNG VÀ SƠ ĐỒ
DANH MỤC PHỤ LỤC
CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU 1
1.1. Tính cấp thiết của đề tài 1
1.2. Tổng quan nghiên cứu 3
1.2.1. Các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến đề tài 3
1.2.2. Khoảng trống nghiên cứu 8
1.3. Mục tiêu và câu hỏi nghiên cứu 9
1.3.1. Mục tiêu nghiên cứu 9
1.3.2. Câu hỏi nghiên cứu 9
1.4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu 10
1.4.1. Đối tượng nghiên cứu 10
1.4.2. Phạm vi nghiên cứu 10
1.5. Các đóng góp mới của luận án 10
1.6. Khung nghiên cứu của luận án 11
1.7. Kết cấu của Luận án 12
KẾT LUẬN CHƯƠNG 1 12
CHƯƠNG 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ HÀNH VI GIAN LẬN BCTC CỦA CTNY VÀ CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG 14
2.1. Khái quát về hành vi gian lận BCTC của CTNY 14
2.1.1. Khái niệm gian lận và hành vi gian lận BCTC 14
2.1.2. Các hình thức gian lận BCTC 16
2.1.3. Động cơ thực hiện hành vi gian lận BCTC 20
2.1.4. Tác hại của hành vi gian lận BCTC 22
2.1.5. Một số vấn đề chung về TTCK và CTNY trên TTCK tác động tới BCTC . 23
2.1.6. Thực trạng gian lận BCTC của các các CTNY trên TTCK Việt Nam 27
2.2. Các lý thuyết vận dụng để nghiên cứu hành vi gian lận BCTC của CTNY 29
2.2.1. Lý thuyết thông tin bất cân xứng 29
2.2.2. Lý thuyết đại diện 32
2.2.3. Lý thuyết bàn cân gian lận dựa trên các dấu hiệu báo động đỏ 34
2.2.4. Lý thuyết về tam giác gian lận 36

2.3. Các nhân tố tác động tới hành vi gian lận BCTC của các CTNY. 39
2.3.1. Nhóm nhân tố thuộc động cơ/ áp lực 39
2.3.2. Nhóm nhân tố thuộc về cơ hội.....42
2.3.3. Nhóm nhân tố về thái độ 48
KẾT LUẬN CHƯƠNG 2.....51
CHƯƠNG 3: PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU 52
3.1. Phương pháp nghiên cứu định tính 52
3.1.1. Thiết kế nghiên cứu định tính.....52
3.1.2. Kết quả nghiên cứu định tính.....53
3.2. Phương pháp nghiên cứu định lượng 59
3.2.1. Giả thuyết nghiên cứu 59
3.2.2. Thiết kế câu hỏi khảo sát.....63
3.2.3. Thông tin về đối tượng khảo sát và phương pháp thu thập số liệu.....64
3.2.4. Phương pháp xử lý dữ liệu 65
KẾT LUẬN CHƯƠNG 3.....68
CHƯƠNG 4: KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU 69
4.1. Kết quả thông tin nhân khẩu học của đối tượng khảo sát.....69
4.2. Kết quả nghiên cứu về hành vi gian lận BCTC của các CTNY trên TTCK Việt Nam 69
4.2.1. Kết quả thống kê mô tả.....69
4.2.2. Đánh giá độ tin cậy của các thang đo.....74
4.3. Kết quả nghiên cứu về các nhân tố tác động đến hành vi gian lận BCTC của các CTNY trên TTCK Việt Nam.....75
4.3.1. Kết quả thống kê mô tả.....75
4.3.2. Kiểm định độ tin cậy của thang đo các nhân tố trong mô hình nghiên cứu 77
4.3.3. Kết quả phân tích khám phá nhân tố EFA.....85
4.3.4. Kết quả phân tích tương quan.....88
4.3.5. Kết quả phân tích hồi quy đa biến 89
KẾT LUẬN CHƯƠNG 4.....93
CHƯƠNG 5 BÀN LUẬN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ CÁC KHUYẾN NGHỊ94
5.1. Bàn luận kết quả nghiên cứu về các nhân tố tác động đến hành vi gian lận BCTC của các CTNY trên TTCK Việt Nam 94
5.1.1. Nhóm nhân tố về Động cơ/áp lực 94
5.1.2. Nhóm nhân tố về Thái độ 95
5.1.3. Nhóm nhân tố về Cơ hội.....96
5.2. Các khuyến nghị 98

5.2.1. Khuyến nghị đối với các CTNY 99
5.2.2. Khuyến nghị đối với các CTKT và KTV độc lập 103
5.2.3. Khuyến nghị đối với các nhà đầu tư 106
5.2.4. Khuyến nghị đối với Hội KTV hành nghề Việt Nam, Bộ Tài chính và Ủy ban chứng khoán Nhà nước 107
5.3. Một số hạn chế và gợi ý nghiên cứu trong tương lai của đề tài 112
5.3.1. Hạn chế nghiên cứu 112
5.3.2. Hướng nghiên cứu trong tương lai 112
KẾT LUẬN CHƯƠNG 5 114
KẾT LUẬN 115
DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ 116
TÀI LIỆU THAM KHẢO 117
PHỤ LỤC 129

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

STT	KÝ HIỆU	NỘI DUNG
1	**BCTC**	BCTC
2	**BCĐKT**	Bảng cân đối kế toán
3	**BCKQHĐKD**	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
4	**BCLCTT**	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
5	**BGĐ**	Ban giám đốc
6	**BQT**	Ban quản trị
7	**CCDV**	Cung cấp dịch vụ
8	**CTNY**	CTNY
9	**CTKT**	Công ty kiểm toán
10	**DTBH**	Doanh thu bán hàng
11	**GVHB**	Giá vốn hàng bán
12	**HĐQT**	Hội đồng quản trị
13	**HTK**	Hàng tồn kho
14	**KSNB**	Kiểm soát nội bộ
15	**KPT**	Khoản phải trả
16	**KTV**	KTV
17	**KTVNB**	KTV nội bộ
18	**KTVĐL**	KTV độc lập
19	**LN**	Lớn nhất
20	**NNHĐ**	Ngành nghề hoạt động
21	**NN**	Nhỏ nhất
22	**TB**	Trung bình
23	**TTCK**	TTCK
24	**TSCĐ**	Tài sản cố định
25	**TMBCTC**	Thuyết minh BCTC
26	**VCSH**	Vốn chủ sở hữu
27	**UBCK**	Uỷ ban chứng khoán

DANH MỤC BẢNG VÀ SƠ ĐỒ

Bảng 2.1. Phân biệt sai sót và gian lận BCTC 15
Bảng 3.1: Tổng hợp đánh giá mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến hành vi gian lận BCTC của các CTNY trên TTCK Việt Nam 54
Bảng 3.2: Tổng hợp các nhân tố tác động đến hành vi gian lận BCTC của các CTNY trên TTCK Việt Nam 58
Bảng 3.3: Tổng hợp các tiêu chí đo lường các nhân tố tác động đến hành vi gian lận BCTC của các CTNY trên TTCK Việt Nam 60
Bảng 4.1. Kết quả thống kê mô tả các hình thức thực hiện hành vi gian lận BCTC của các CTNY trên TTCK Việt Nam 69
Bảng 4.2. Kết quả thống kê mô tả về các khoản mục thường sử dụng để thực hiện hành vi gian lận trong BCĐKT 70
Bảng 4.3. Kết quả thống kê mô tả hình thức gian lận đối với khoản mục trong bảng cân đối kế toán 71
Bảng 4.4. Kết quả thống kê mô tả các khoản mục thường sử dụng để thực hiện hành vi gian lận trong BCKQHĐKD 71
Bảng 4.5. Kết quả thống kê mô tả về hình thức gian lận đối với khoản mục trong BCKQHĐKD 73
Bảng 4.6. Kết quả thống kê mô tả các cách thức gian lận trong BCLCTT 73
Bảng 4.7. Kết quả thống kê mô tả về các cách thức gian lận trong TMBCTC 74
Bảng 4.8. Kết quả thống kê mô tả tiêu chí mức độ gian lận BCTC của các CTNY 74
Bảng 4.9: Lượng hóa các tiêu chuẩn của các nhóm nhân tố ảnh hưởng đến hành vi gian lận BCTC của các CTNY 75
Bảng 4.10: Kết quả kiểm định sự tin cậy thang đo nhân tố sự ổn định tài chính 77
Bảng 4.11: Kết quả kiểm định sự tin cậy thang đo nhân tố áp lực từ bên thứ ba 78
Bảng 4.12: Kết quả kiểm định sự tin cậy thang đo nhân tố mục tiêu tài chính 78
Bảng 4.13: Kết quả kiểm định sự tin cậy thang đo nhân tố đặc điểm BCTC và ngành nghề hoạt động của CTNY 79
Bảng 4.14: Kết quả kiểm định sự tin cậy thang đo nhân tố chất lượng hệ thống KSNB ... 79
Bảng 4.15: Kết quả kiểm định sự tin cậy thang đo nhân tố quy mô CTNY 80
Bảng 4.16: Kết quả kiểm định sự tin cậy thang đo nhân tố đặc tính của HĐQT 80

Bảng 4.17: Kết quả kiểm định sự tin cậy thang đo nhân tố môi trường pháp lý 81
Bảng 4.18: Kết quả kiểm định sự tin cậy thang đo nhân tố môi trường KTVM 82
Bảng 4.19: Kết quả kiểm định sự tin cậy thang đo nhân tố kiểm toán độc lập 82
Bảng 4.20: Kết quả kiểm định sự tin cậy thang đo nhân tố kiểm soát của Nhà nước đối với hành vi gian lận BCTC 82
Bảng 4.21: Kết quả kiểm định sự tin cậy thang đo nhân tố chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của BGĐ 83
Bảng 4.22: Kết quả kiểm định sự tin cậy thang đo nhân tố Trình độ chuyên môn nghiệp vụ của BGĐ 83
Bảng 4.23: Kết quả kiểm định sự tin cậy thang đo nhân tố Nhận thức, hiểu biết về pháp luật của BGĐ.....84
Bảng 4.24: Kết quả kiểm định sự tin cậy thang đo nhân tố Thái độ, tính chuyên nghiệp của BGĐ.....84
Bảng 4.25: Kết quả phân tích khám phá nhóm nhân tố động cơ/áp lực 85
Bảng 4.26: Kết quả phân tích khám phá nhóm nhân tố về cơ hội 86
Bảng 4.27: Kết quả phân tích khám phá nhóm nhân tố về thái độ 87
Bảng 4.28. Kết quả phân tích tương quan giữa các biến 88
Bảng 4.29. Kiểm định mức độ giải thích của mô hình (Model Summary) 90
Bảng 4.30. Kiểm định mức độ phù hợp của mô hình (phương sai - ANOVA).....90
Bảng 4.31. Kết quả phân tích hồi quy ảnh hưởng của các nhân tố đến hành vi gian lận BCTC của các CTNY trên TTCK Việt Nam 91

Sơ đồ 1.1: Quy trình nghiên cứu của luận án.....12
Sơ đồ 2.1: Mô hình bàn cân gian lận.....34
Sơ đồ 2.2: Mô hình tam giác gian lận.....36
Sơ đồ 3.1: Mô hình nghiên cứu.....59

DANH MỤC PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 2.1. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU NƯỚC NGOÀI VỀ CÁC NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN HÀNH VI GIAN LẬN BCTC 129

PHỤ LỤC 2.2: TỔNG QUAN CÁC MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU TRƯỚC ĐÂY VỀ HÀNH VI GIAN LẬN BCTC 132

PHỤ LỤC 3.1. DANH SÁCH CÁC CHUYÊN GIA THAM GIA PHỎNG VẤN 133

PHỤ LỤC 3.2. PHIẾU PHỎNG VẤN CHUYÊN GIA VỀ CÁC NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN HÀNH VI GIAN LẬN BCTC CTNY TRÊN TTCK VIỆT NAM 134

PHỤ LỤC 3.3. KẾT QUẢ PHỎNG VẤN CHUYÊN GIA VỀ TIÊU CHÍ ĐO LƯỜNG CÁC NHÂN TỐ 139

PHỤ LỤC 3.4. PHIẾU KHẢO SÁT VỀ MỨC ĐỘ ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN HÀNH VI GIAN LẬN BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA CÁC CTNY TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM 141

PHỤ LỤC 3.5: KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU CÁC NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN HÀNH VI GIAN LẬN BCTC TẠI MỘT SỐ CÁC CÔNG TY ĐIỂN HÌNH 147

PHỤ LỤC 4.1: THÔNG TIN VỀ NHÂN KHẨU HỌC ĐỐI TƯỢNG KHẢO SÁT 153

PHỤ LỤC 4.2. ĐÁNH GIÁ ĐỘ TIN CẬY CỦA THANG ĐO 154

PHỤ LỤC 4.3: KẾT QUẢ KIỂM TRA ĐA CỘNG TUYẾN 155

CHƯƠNG 1
GIỚI THIỆU ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU

1.1. Tính cấp thiết của đề tài

BCTC (BCTC) sẽ cho biết kết quả hoạt động của CTNY (CTNY) qua những tổng hợp về tình hình tài chính. Độ tin cậy và chất lượng thông tin tài chính trên BCTC là nhân tố tác động trực tiếp đến quyết sách của nhà đầu tư. Do vậy, nếu hành vi gian lận BCTC xảy ra vì lợi ích cá nhân của chủ sở hữu doanh nghiệp, thì sẽ dẫn đến sai lầm trong việc ra quyết định khiến cho các nhà đầu tư phải chịu những tổn thất nặng nề kinh tế.

Thời gian gần đây, tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới làm cho các công ty rơi vào tình trạng tài chính cạn kiệt, kéo theo sự gia tăng không ngừng số lượng doanh nghiệp bị phá sản và trở thành động cơ cho các hành vi gian lận BCTC ngày càng tăng. Trong số đó phải kể đến các công ty: Enron, Lucent, Worldcom, Xerox, Waste Management, Rite Aid, Global Crossing, Adelphia, Qwest, Deutsche Bank, Toshiba... được cho rằng đã có hành vi gian lận BCTC. Theo kết quả cuộc điều tra của Hiệp hội của các nhà điều tra gian lận (ACFE, 2014), tổn thất của gian lận hàng năm ước tính trên toàn thế giới khoảng hơn 3.700 tỷ USD. Không chỉ thế, theo báo cáo của World Bank (2013), ngân hàng hàng đầu thế giới Deutsche Bank vào tháng 4/2013 đã tiết lộ con số tài sản bị che dấu từ năm 2008 đến nay trị giá 395,5 tỷ Euro (tương đương 19% tổng tài sản trị giá 2.003 tỷ Euro của Ngân hàng này). Vào tháng 07/2015, sự kiện Toshiba – một trong những thương hiệu nổi tiếng nhất tại Nhật Bản đã thổi phồng lợi nhuận lên đến 1,2 tỷ USD. Những số liệu minh chứng này đã dẫn đến suy nghĩ sai lệch của các nhà đầu tư về rủi ro trong bảng cân đối đã được kiểm toán là ít hơn so với thực tế. Tại Việt Nam, những trường hợp minh chứng điển hình cho hành vi gian lận BCTC có thể kể đến như: Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết (BBT), Công ty Cổ phần Dược Viễn Đông (DVD), Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành (TTF), Tổng công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (VCG)… Cụ thể, TTF mới đây công bố BCTC quý II/2016 với khoản lỗ gộp tới 807 tỷ đồng và lỗ ròng 1.073 tỷ đồng. Nguyên nhân đến từ việc kiểm kê phát hiện thiếu tới gần 980 tỷ đồng hàng tồn kho và trích dự phòng khoản phải thu khó đòi. Hay việc công ty cổ phần thép Việt Ý năm 2011 phải cộng thêm 111 tỷ đồng dự phòng khiến lợi nhuận sau kiểm toán rơi từ 110 tỷ xuống 27,2 tỷ đồng (HOSE, 2012). Những con số trên càng làm tăng thêm sự lo ngại nhiều hơn về hành vi gian lận BCTC của các CTNY trên TTCK ngay cả khi